

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 821/BSG-KTTK

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (SABECO)

Địa chỉ: 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0300583659

Người đại diện: Nguyễn Thành Nam Chức vụ: Tổng Giám đốc

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức quy định giải trình cụ thể đối với trường hợp lợi nhuận sau thuế chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính Quý II cụ thể như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng quý II năm 2017

(Đơn vị tính: VND)

Mã số	KHOẢN MỤC	Lũy kế đến Quý 2		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ
		Năm nay	Năm trước		
A	B	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.726.693.669.008	14.322.928.649.855	1.403.765.019.153	10%
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	15.726.693.669.008	14.322.928.649.855	1.403.765.019.153	10%
11	4. Giá vốn hàng bán	13.436.143.686.006	12.250.842.292.505	1.185.301.393.501	10%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	2.290.549.983.002	2.072.086.357.350	218.463.625.652	11%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.029.516.377.150	678.543.709.163	350.972.667.987	52%
22	7. Chi phí tài chính	2.923.210.894	5.491.696.724	(2.568.485.830)	-47%
25	8. Chi phí bán hàng	499.061.495.116	256.551.627.128	242.509.867.988	95%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	139.100.525.722	114.905.155.709	24.195.370.013	21%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	2.678.981.128.420	2.373.681.586.952	305.299.541.468	13%
31	11. Thu nhập khác	829.363.223	15.738.186.668	(14.908.823.445)	-95%
32	12. Chi phí khác	2.338.817.592	12.032.335.591	(9.693.517.999)	-81%
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(1.509.454.369)	3.705.851.077	(5.215.305.446)	-141%
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	2.677.471.674.051	2.377.387.438.029	300.084.236.022	13%



51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	366.297.678.763	385.953.434.390	(19.655.755.627)	-5%
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.357.802.758	19.865.963.847	(15.508.161.089)	-78%
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	2.306.816.192.530	1.971.568.039.792	335.248.152.738	17%

Giải trình nguyên nhân tăng giảm:

- Doanh thu và giá vốn tăng do sản lượng tiêu thụ trong kỳ tăng so với cùng kỳ năm trước và việc điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm từ ngày 1/1/2017.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng do SABECO thực hiện việc thoái vốn khỏi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu (Eximbank) và ghi nhận cổ tức của các Công ty con, công ty liên doanh – liên kết, đầu tư khác trong hệ thống.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ tăng lần lượt 95% và 21% so với cùng kỳ năm trước do trong năm 2017, SABECO thay đổi mô hình quản lý chi phí hỗ trợ bán hàng từ Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn về Tổng công ty.
- Lợi nhuận trong kỳ bị ảnh hưởng do việc tăng thuế suất tiêu thụ đặc biệt lên 5% so với cùng kỳ năm trước.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2017

(Đơn vị tính: VND)

Mã số	KHOẢN MỤC	Lũy kế đến Quý 2		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ
		Năm nay	Năm trước		
A	B	1	2	3=1-2	4=3/2
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.786.483.931.399	14.744.718.517.346	1.041.765.414.053	7%
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	7.781.031.203	8.943.747.276	(1.162.716.073)	-13%
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	15.778.702.900.196	14.735.774.770.070	1.042.928.130.126	7%
11	4. Giá vốn hàng bán	11.385.527.627.139	10.678.192.542.710	707.335.084.429	7%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	4.393.175.273.057	4.057.582.227.360	335.593.045.697	8%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	223.611.752.259	276.590.910.358	(52.979.158.099)	-19%
22	7. Chi phí tài chính	17.269.600.089	37.741.753.124	(20.472.153.035)	-54%
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	22.398.387.968	46.939.136.261	(24.540.748.293)	-52%
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	186.058.717.086	132.967.716.517	53.091.000.569	40%
25	9. Chi phí bán hàng	1.502.521.479.465	1.106.214.959.278	396.306.520.187	36%
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	347.934.044.410	316.887.638.386	31.046.406.024	10%

0583
 CÔNG
 Ở PHÁP
 A-RƯỢ
 GIẢI K
 SÀI GÒN
 P.HỒ C

30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.935.120.618.438	3.006.296.503.447	(71.175.885.009)	-2%
31	12. Thu nhập khác	86.557.988.973	25.281.918.429	61.276.070.544	242%
32	13. Chi phí khác	38.601.783.185	47.391.009.578	(8.789.226.393)	-19%
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	47.956.205.788	(22.109.091.149)	70.065.296.937	317%
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	2.983.076.824.226	2.984.187.412.298	(1.110.588.072)	0%
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	527.665.373.287	579.219.218.928	(51.553.845.641)	-9%
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.406.619.791	19.567.665.234	10.838.954.557	55%
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.425.004.831.148	2.385.400.528.136	39.604.303.012	2%
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	2.294.554.832.312	2.319.221.949.162	(24.667.116.850)	-1%
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	130.449.998.836	66.178.578.974	64.271.419.862	97%

Giải trình nguyên nhân tăng giảm:

- Doanh thu và doanh thu thuần trong kỳ tăng do có sự thay đổi cơ cấu sản phẩm tiêu thụ, tăng giá bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ giảm do số dư tiền gửi ngân hàng giảm so với cùng kỳ năm 2016.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt 36% và 10% so với cùng kỳ 2016.
- Lợi nhuận trong kỳ bị ảnh hưởng do việc tăng thuế suất tiêu thụ đặc biệt lên 5% so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc thay đổi lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2017 so với cùng kỳ 2016 trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của SABECO.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư. VT-KTTK (02).



Nguyễn Thành Nam

